

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2021/DS-ST.

Ngày: 24/11/2021.

“V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Phúc;

Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Ông Lê Kim Ngọc- Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST-DS, ngày 13 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 và Thông báo thay đổi ngày xét xử số: 71/TB-TA ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949.

Ủy quyền cho bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: ấp A xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp D, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Đặng Văn H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà H có mặt tại phiên tòa. Ông H và ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 07/01/2020; biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2021; biên bản không tiến hành hòa giải ngày 14/7/2021 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày:* Vào ngày 15/12/2016, ông T và ông H có đến nhà của bà Đ để hỏi vay số tiền 450.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, khi vay tiền ông H và ông T hẹn khoảng 3 ngày (khi trả nợ xong và vay lại) sẽ trả lại tiền gốc và lãi cho bà Đ, khi vay 2 bên thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đ/2.000đ/ngày (6%/tháng). Sau khi vay tiền, ông H và ông T có đến gặp bà Đ nói Ngân hàng không cho vay lại nên ông H và ông T xin chuyển số tiền vay trên thành tiền vay tháng, hứa sẽ đóng lãi cho bà Đ hàng tháng, bà Đ thấy vậy nên đồng ý cho ông H và ông T đóng lãi hàng tháng. Đến ngày 15/6/2017, ông H có đến tính lãi với bà Đ nhưng cũng không đóng tiền lãi. Do số tiền trên ông H và ông T vay đã lâu mà không đóng lãi và cũng không trả gốc cho bà Đ.

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông H và ông T phải trả lại số tiền vay gốc là 450.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định kể từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ án.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021 ông Đặng Văn H trình bày:* Trước đây ông với ông T có hùn làm ăn chung (hùn cho vay đáo hạn Ngân hàng). Ngày 15/12/2016, ông T có đến vay tiền của bà Đ nhưng lúc đó bà H (cháu bà Đ) không đồng ý cho ông T vay, mà bà H nói với ông là cùng làm ăn với ông T nên yêu cầu ông cùng với ông T làm biên nhận nhận số tiền trên, bên bà Đ mới cho vay. Thấy vậy, ông thống nhất cùng ông T làm biên nhận, nhận số tiền trên, nhưng số tiền trên do ông T nhận, ông chỉ ký tên vào biên nhận tiền mà thôi. Khi vay, 2 bên thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đ/2.000đ/ngày (6%/tháng). Số tiền vay trên do ông T giữ, khi nào khách hàng có nhu cầu vay tiền đáo hạn ngân hàng, thì ông T đưa tiền cho ông để cho khách hàng vay, phần tiền lãi thu được thì chia nhau tiêu xài. Sau khi vay tiền của bà Đ, ông và ông T có đóng lãi cho bà Đ được đến tháng 11/2019 (lúc ông T bỏ đi).

Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu ông và ông T phải trả lại số tiền vay gốc là 450.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định, kể từ khi vay cho đến khi giải quyết xong vụ án. Ông thống nhất cùng ông T trả lại số tiền vay gốc là 450.000.000đ, còn phần tiền lãi thì ông xin bà Đ, vì hoàn cảnh ông hiện nay quá khó khăn.

- Ông Nguyễn Minh T vắng mặt không có lý do, cũng không có ý kiến hay trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, của Viện kiểm sát về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án trên như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Đặng Văn H và ông Nguyễn Minh T.

Buộc Đặng Văn H và ông Nguyễn Minh T có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Đ số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000đ và tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Đ nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H. Xét thấy, người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và 190 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại Ấp D, xã P và ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H phải trả lại số tiền vay gốc còn thiếu và tiền lãi theo quy định, được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Trong phần tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, bà H (đại diện theo ủy quyền của bà Đ) yêu cầu ông H và ông T phải trả lại số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000đ và tính lãi 1,67%/tháng kể từ ngày 15/6/2017 cho đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021 ông H trình bày: Ông thống nhất cùng ông T trả lại số tiền vay gốc là 450.000.000đ, còn phần tiền lãi thì ông xin bà Đ, vì hoàn cảnh ông hiện nay quá khó khăn.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Yêu cầu của bà Đ là phù hợp và có căn cứ chấp nhận. Bởi vì; trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa thể hiện: Ngày 15/12/2016, ông T và ông H có đến nhà của bà Đ để hỏi vay số tiền 450.000.000đ để đáo hạn ngân hàng, khi vay tiền ông H và ông T hẹn khoảng 3 ngày (khi trả nợ xong và vay lại) sẽ trả lại tiền gốc và lãi cho bà Đ. Khi vay tiền, bên ông H có làm biên nhận cho bà Đ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2021, ông H thừa nhận chữ viết và chữ ký tên trong biên nhận tiền là do ông T viết và ký tên lúc vay tiền của bà Đ. Trong biên nhận tiền còn có chữ ký tên và viết tên của ông H. Tuy trong biên nhận tiền ngày 15/12/2016, ông H ghi nhân chứng và ký tên nhưng qua làm việc, ông H thừa nhận số tiền vay trên là do ông cùng với ông T vay về để cho người khác vay lại để kiếm lời và chia nhau xài và sau khi vay tiền ông H và ông T có đóng lãi cho bà Đ. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền trên là do ông H và ông T cùng vay của bà Đ, nghĩ nên buộc ông H và ông T cùng có trách nhiệm trả lại số tiền trên là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với phần lãi suất: Căn cứ vào các biên nhận tiền không thể hiện các bên cho vay số tiền trên với mức lãi suất là bao nhiêu %/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H cho rằng bà Đ cho vay lãi suất là 6%/tháng, tại biên lấy lời khai ngày 01/11/2021 ông H cũng thừa nhận vay số tiền trên với lãi suất là 6%/tháng, nên có căn cứ xác định số tiền 2 bên cho vay với lãi suất là 6%/tháng. Theo bà H trình bày: Từ khi ông H và ông T vay số tiền trên cho đến nay, có đóng lãi cho bà Đ được 6 tháng lãi (Từ 15/12/2016 đến 15/06/2017) thì không đóng lãi nữa. Theo ông H trình bày: Sau khi vay số tiền trên, ông và ông T có đóng lãi cho bà Đ đến tháng 11/2019, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh số tiền vay đã đóng lãi đến tháng 11/2019 nên căn cứ vào lời trình bày của bà H, xác định số tiền vay trên, ông H và ông T đã đóng lãi được 6 tháng.

Căn cứ vào lời trình bày của bà H và ông H thì số tiền cho vay với lãi suất là 6%/tháng (72%/năm), là quá cao so với quy định của pháp luật. Trong quá trình thu thập chứng cứ, bà H có yêu cầu tính lãi số tiền vay trên theo mức lãi suất là 1,67%/tháng, nghĩ nên chấp nhận. Đối với phần tiền lãi mà ông H và ông T đã đóng cho bà Đ theo mức lãi suất là 6%/tháng, số tiền lãi đã đóng được 6 tháng. Do đó, cần điều chỉnh lại số tiền lãi như sau:

Phần tiền lãi ông H và ông T đã đóng:

$450.000.000đ \times 6\%/tháng \times 6 \text{ tháng (Từ 15/12/2016 đến 15/6/2017)} = 162.000.000đ.$

Phần tiền lãi theo quy định:

$450.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 6 \text{ tháng (Từ 15/12/2016 đến 15/6/2017)} = 45.090.000đ.$

$162.000.000đ - 45.090.000đ = 116.910.000đ.$

Như vậy, phần tiền lãi 6 tháng mà ông H và ông T đã đóng thừa là 116.910.000đ.

Phần tiền lãi mà ông H và ông T phải chịu:

$450.000.000đ \times 1,67\%/tháng \times 53 \text{ tháng } 9 \text{ ngày (Từ 15/6/2017 đến ngày 24 tháng 11 năm 2021)} = 400.254.000đ.$

$400.254.000đ - 116.910.000đ \text{ tiền lãi đóng thừa} = 283.000.000đ.$

Như vậy, số tiền lãi mà ông H và ông T phải trả cho bà Đ là 283.000.000đ.

[6] Tại phiên tòa, ông H và ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Do yêu cầu của bà Đ là có căn cứ chấp nhận, nên ông H và ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghị nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 288, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H.

2/ Buộc ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H có trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay gốc còn thiếu là 450.000.000đ và tiền lãi là 283.000.000đ. Tổng cộng gốc và lãi là 733.000.000đ (Bảy trăm ba mươi ba triệu đồng).

Ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H tiếp tục chịu lãi của số tiền gốc nêu trên, kể từ ngày 25/11/2021, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (1,67%/tháng), cho đến khi thi hành án xong số tiền nêu trên.

3/ Về án phí:

Ông Nguyễn Minh T và ông Đặng Văn H phải nộp 33.320.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ